TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **154**/2021/DS-PT
Ngày: 23/04/2021
V/v:Kiện đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng.

Các Thẩm phán: 1. Bà Trần Thị Thu Nam.

2. Ông Đinh Như Lâm.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Minh Đức- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa***: Bà Ngô Phương Liên- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2021/TLPT-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021, về việc: "*Kiện đòi tài sản"*.

Do bản án sơ thẩm số 31/2020/DS-ST ngày 12/10/2020 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 38/2021/QĐ-PT ngày 26/01/2021; Quyết định hoãn phiên toà dân sự phúc thẩm số: 86/2021/QĐHPT-PT ngày 25/02/2021; Thông báo thay đổi lịch xét xử số 171/2021/TB-TA ngày 22/03/2021; Quyết định hoãn phiên toà dân sự phúc thẩm số: 199/2021/QĐHPT-PT ngày 13/04/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn*: Ông **Đào Văn D**, sinh năm 1960; trú tại: TT6 BLĐ, phường X, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Nguyễn Hồng Q**, sinh năm 1989; Trú tại: Tổ dân phố Y, phường Z, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

2/ *Bị đơn*:

2.1. Chị **Đào Thị Thu A**, sinh năm 1991; trú tại: TT6 BLĐ, phường X, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội*; Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1984, bà Hoàng Thị H; Địa chỉ: Phòng A đường N, phường T, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

2.2. Anh **Hoàng Tuấn Đ**, sinh năm 1982; HKTT: Số L, phường V, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Phòng 301, Căn hộ L - 18 Nguyễn PK, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Hoàng Tuấn Đ: Luật sư **Chu Đ** - Văn phòng luật sư Chu Đ - Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

***Trong đơn khởi kiện ngày 09/3/2020 và bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*:**

Ông Nguyễn Văn D có con gái là chị Đào Thị Thu A. Năm 2013, chị A kết hôn với anh Hoàng Tuấn Đ. Sau khi cưới vợ chồng chị A, anh Đ thuê nhà ở riêng; sau đó, chị A, anh Đ dọn đến ở nhờ nhà của vợ chồng ông D tại LĐ trong khoảng 6 tháng. Khoảng đầu tháng 9/2013, chị A có gọi điện sang hỏi vay tiền của ông D để vợ chồng chị A mua nhà chung cư. Khi đó, ông D đang có 2,1 tỷ đồng là tiền riêng của ông D cùng một khoản tiền chung của 2 vợ chồng ông D để trong két ở nhà dùng cho việc đầu tư và chi tiêu gia đình, nên ông D đồng ý cho vợ chồng chị A vay 2,1 tỷ đồng, chị A viết giấy xác nhận vay tiền của ông D vào ngày 15/9/2013, hẹn đến năm 2019 sẽ trả tiền. Đến cuối năm 2013, khi về Việt Nam ông D đã ký tên là người cho vay trên "Giấy vay tiền" do chị A viết.

Sau khi vay được tiền, vợ chồng chị A, anh Đ đã dùng tiền vay của ông D vào việc mua căn hộ X, tòa nhà T khu đô thị TH, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội (đã bán năm 2016).

Đầu năm 2018, chị A và anh Đ làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Đống Đa; ông D cũng được Tòa án nhân dân quận Đống Đa mời đến làm việc vì vợ chồng chị A còn nợ ông D 2,1 tỷ đồng. Lúc này, ông D không gặp được anh Đ nên ông D yêu cầu chị A nếu ly hôn thì hai vợ chồng phải trả tiền cho ông D, để tránh lằng nhằng nên thời điểm đó ông D không yêu cầu Tòa giải quyết khoản nợ 2,1 tỷ đồng đã cho vợ chồng chị A, anh Đ vay.

Đến cuối tháng 02/2020, ông D được biết vợ chồng chị A, anh Đ đã giải quyết dứt điểm việc ly hôn. Trong bản án cũng có ghi nhận khoản tiền 2,1 tỷ đồng ông D cho vợ chồng chị A, anh Đ vay là khoản nợ chung của hai vợ chồng.

Đã quá thời hạn trả nợ ghi trong giấy nhưng chị A, anh Đ không tự nguyện trả nợ cho ông D; vì vậy, ông D khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai buộc chị Đào Thị Thu A và anh Hoàng Tuấn Đ phải trả cho ông D 2.100.000.000 VNĐ (*hai tỷ một trăm triệu đồng*) là số tiền đã vay của ông D vào ngày 15/9/2013.

Ông D không yêu cầu chị A, anh Đ phải trả lãi đối với khoản vay trên.

Trong quá trình Toà án giải quyết, bị đơn - chị Đào Thị Thu A và người đại diện theo ủy quyền của chị A trình bày:

Chị Đào Thị Thu A kết hôn với anh Hoàng Tuấn Đ năm 2013. Sau khi cưới, hai vợ chồng có ở nhờ nhà của bố mẹ đẻ chị A tại LĐ, Hoàng Mai, Hà Nội khoảng 6 tháng. Khi đó bố mẹ đẻ chị A là ông Đào Văn D và bà Hà Thị Thu H đang ở nước ngoài. Chị A, anh Đ có ý định mua căn chung cư tại tòa nhà T khu đô thị TH, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội có giá bán là 2,2 tỷ đồng. Bố chị đã đồng ý cho vợ chồng chị vay 2,1 tỷ đồng đang để ở két; chị và anh Đ đã lấy số tiền này trong két để thanh toán tiền mua nhà. Chị A đã viết giấy vay tiền ngày 15/9/2013 với nội dung vay của ông Đào Văn D số tiền 2,1 tỷ đồng để mua căn hộ tại tòa nhà T khu đô thị TH, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; hẹn năm 2019 sẽ hoàn trả lại. Vì khi đó anh Đ không có mặt nên chị A viết giấy vay tiền một mình và một mình ký tên nhưng anh Đ biết việc vay tiền. Sau đó, chị A và anh Đ dùng số tiền vay của ông D để thanh toán tiền mua căn hộ. Sau đó, vợ chồng chị đã dùng để thế chấp vay vốn ngân hàng để mua xe ô tô, kinh doanh; từ đó tạo lập được những tài sản về sau. Năm 2016, vợ chồng chị A đã bán căn hộ đó nhưng chưa trả lại tiền cho ông Đào Văn D.

Năm 2018, do vợ chồng mâu thuẫn nên chị A làm đơn khởi kiện ly hôn, yêu cầu chia tài sản, nợ chung tại Tòa án nhân dân quận Đống Đa. Tòa án quận Đống Đa đã đưa ông Đào Văn D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do chị A, anh Đ thỏa thuận đến năm 2019 sẽ trả tiền nên ông D không yêu cầu Tòa án quận Đống Đa giải quyết khoản vay 2,1 tỷ đồng nói trên. Tuy nhiên, do anh Đ không nhắc gì đến việc trả nợ cho ông D mà còn nhắn tin xúc phạm chị A. Do đó, chị A vẫn chưa giao chiếc xe ô tô Toyota Camry BKS 30A - 653.93; chưa yêu cầu anh Đ phải thanh toán cho chị số tiền hơn 220 triệu đồng (theo bản án ly hôn) để anh Đ có điều kiện trả nợ cho ông D trước.

Nay ông D khởi kiện yêu cầu chị và anh Đ phải trả lại số tiền 2,1 tỷ đồng đã vay thì chị xác định đây là khoản nợ chung vợ chồng hình thành trong thời kỳ hôn nhân đã được chứng minh bằng Bản án số 27/2019/HNGĐ-ST ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa và Bản án số 19/2019/HNGĐ-PT ngày 20/02/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, do đó chị A chấp nhận yêu cầu của ông D và không có ý kiến gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Tuấn Đ vắng mặt nên không trình bày quan điểm.

Tại bản án sơ thẩm số 31/2020/DSST ngày 12/10/2020của Tòa án nhân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội đã xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn D về việc buộc chị Đào Thị Thu A và anh Hoàng Tuấn Đ phải trả số tiền nợ gốc 2.100.000.000 VNĐ (*hai tỷ một trăm triệu đồng*) theo giấy vay tiền lập ngày 15/9/2013.

Chị Đào Thị Thu A và anh Hoàng Tuấn Đ mỗi người phải trả cho ông Đào Văn D số tiền nợ gốc 1.050.000.000 VNĐ (*một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng*). Ông Đào Văn D không yêu cầu chị A, anh Đ phải trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tại thời điểm thanh toán và tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

Ngoài ra, bản án còn quyết định xử lý tiền tạm ứng án phí, tuyên chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau phiên toà sơ thẩm, ngày 21/10/2020, anh Hoàng Tuấn Đ có đơn kháng cáo nộp cho Toà án cấp sơ thẩm đề nghị Toà án cấp phúc thẩm tuyên huỷ bản án số 31/2020/DSST ngày 12/10/2020với lý do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng nghiêm trọng, không tống đạt văn bản tố tụng cho Hoàng Tuấn Đ nên anh Đ chưa được cung cấp chứng cứ chứng minh không liên quan, không biết ông D kiện gì.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Chị Đào Thị Thu A và người đại diện theo uỷ quyền trình bày: Tại bản án ly hôn sơ thẩm, phúc thẩm hiện đang có hiệu lực pháp luật đã xác nhận chị và anh Đ nợ ông D số tiền 2,1 tỷ đồng; đây là tình tiết không cần chứng minh. Quá trình ông D khởi kiện ở Toà án Hoang Mai, anh Đ có biết và có sử dụng điện thoại 0902287469 nhắn tin cho chị thể hiện có biết sự việc, anh Đ không đến Toà là cố tình giấu địa chỉ. Anh Đ không có căn cứ chứng minh anh Đ ở tại 18 Nguyễn PK, Thành phố Hồ Chí Minh là có khai báo tạm trú và người ký hợp đồng cho thuê nhà là người có thẩm quyền ký kết. Toà án Hoàng Mai đã niêm yết 15 ngày là đúng trình tự.

Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Anh Hoàng Tuấn Đ trình bầy: Tại bản án ly hôn sơ thẩm, phúc thẩm có nêu anh chị có nợ của ông D số tiền 2,1 tỷ đồng nhưng vì có câu "ông D không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét" nên anh không kháng cáo. Trước và sau khi có bản án phúc thẩm ly hôn anh vẫn ở tại 18 Nguyễn PK, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến Thi hành án quận Đống Đa để giải quyết việc thi hành bản án ly hôn thì anh có được cán bộ thi hành án thông báo việc Toà án Hoàng Mai giải quyết vụ án ông D khởi kiện. Anh có dùng số điện thoại 0902287469 để nhắn tin cho chị A nhưng anh không biết ai giải quyết, quá trình tố tụng đang đến đâu. Anh có điện

thoại nhờ luật sư đến Toà án Hoàng Mai hỏi. Khi luật sư Đông đến trụ sở Toà án hỏi thì vụ án vừa được xét xử ngày hôm trước. Do vậy, anh không có cơ hội để bảo vệ quyền lợi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Hoàng Tuấn Đ trình bầy quan điểm tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm vì đã vi phạm thủ tục niêm yết, dẫn đến việc anh Đ không được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tại giai đoạn sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên toà xét xử vụ án.

Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình diễn biến tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 huỷ bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. **Về tố tụng:**

[1.1]. *Về quyền khởi kiện, phạm vi khởi kiện; thẩm quyền giải quyết*:

*Theo đơn khởi kiện của ông Đào Văn D đề nghị:*Tòa án tuyên buộc chị Đào Thị Thu A và anh Hoàng Tuấn Đ phải trả cho ông D 2.100.000.000 VNĐ *(Hai tỷ một trăm triệu đồng)* là số tiền đã vay của ông D vào ngày 15/9/2013.

Yêu cầu của nguyên đơn nêu trên là đảm bảo quyền khởi kiện theo Điều 4 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn D là *"Kiện đòi tài sản"*theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn là chị Đào Thị Thu A có địa chỉ tại TT6 BLĐ, phường X, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Do vậy, Toà án nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội đã thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án và loại việcđược qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về quan hệ pháp luật; tư cách người tham gia tố tụng*:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,Toà án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] *Về kháng cáo*:

Tại phiên toà sơ thẩm ngày 12/10/2020 vắng mặt anh Hoàng Tuấn Đ. Ngày 21/10/2020, anh Hoàng Tuấn Đ có đơn kháng kháng cáo nộp cho Toà án cấp sơ thẩm. Anh Hoàng Tuấn Đ đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó kháng cáo đảm bảo về chủ thể, hình thức, nội dung và trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phạm vi kháng cáo của anh Hoàng Tuấn Đ kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm tuyên huỷ bản án số 31/2020/DSST ngày 12/10/2020với lý do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng nghiêm trọng, không tống đạt văn bản tố tụng cho Hoàng Tuấn Đ nên anh Đ chưa được cung cấp chứng cứ chứng minh không liên quan, không biết ông D kiện gì.

[1.4]. *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm*: Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ lần thứ ba. Tại phiên toà, có mặt chị Đào Thị Thu A và người đại điện theo uỷ quyền của chị A là ông Nguyễn Anh Đức, anh Hoàng Tuấn Đ (người kháng cáo). Vắng mặt người đại điện theo uỷ quyền của ông Đào Văn D, vắng mặt người đại điện theo uỷ quyền thứ hai của chị A là bà Hoàng Thị Huế; các đương sự vắng mặt không có lý do.

Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử vắng mặt các đương sự.

[2] **Xét kháng cáo của anh Hoàng Tuấn Đ:**

2.1.*Về địa chỉ nơi cư trú của anh Hoàng Tuấn Đ*:

Tại đơn khởi kiện của ông D thì anh Hoàng Tuấn Đ (sinh năm 1982; HKTT: Số 157 tổ 66 Linh Quang, phường Văn Chương, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội), không ghi nơi cư trú của anh Đ.

Tại hai bản án Hôn nhân và gia đình (sơ thẩm và phúc thẩm) giữa chị An và anh Đ có trong tập tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thể hiện phần căn cước của các đương sự là anh Đ và bố mẹ đẻ anh Đ là ông Hoàng Văn D và bà Nguyễn Thị Nga như sau: "Bị đơn: Anh Hoàng Tuấn Đ, sinh năm 1982; nơi đăng ký hộ khẩu: Sô X phường V quận Đống Đa, Hà Nội; chỗ ở hiện nay: Số 18 Nguyễn Phi Khanh, phường Tân Định, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh".

"Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: 3. Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị Nga, sinh năm 1950; cùng trú tại: Số 157 Linh Quang (nay là số 3, ngách 67 ngõ 88 Trần Quý Cáp, phường Văn Chương, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội; quan hệ: Bố mẹ anh Đ (bút lục 32,33,36,37).

Ngày 21/7/2020, Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã tiến hành xác minh tại Công an phường Văn Chương, quận Đống Đa và được cung cấp như sau: *Hiện nay, tại địa chỉ sô X phường V quận Đống Đa, Hà Nội (số mới là sô Y phường C quận Đống Đa, Hà Nội, Đống Đa, Hà Nội)* ***không có ai là Hoàng Tuấn Đ, sinh năm 1982 đang sinh sống*** (bút lục 134).

Theo quy định tại Điều 1, Điều 12 Luật sư trú " *Cư trú là việc công dân sinh sống tại một địa chỉ thuộc xã, phường, thị trấn dưới hình thức thường trú hoặc tạm trú*". Như vậy, nơi cư trú của công dân gồm chỗ ở hợp pháp mà người đó thường xuyên sinh sống hoặc nơi tạm trú. Toà án nhân dân quận Hoàng Mai cần tống đạt cho anh Đ tại nơi anh Đ có Hộ khẩu thường trú là "Số 157 Linh Quang (nay là số 3, ngách 67 ngõ 88 Trần Quý Cáp, phường Văn Chương, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội" và nơi anh Đ đang tạm trú tại "Số 18 Nguyễn Phi Khanh, phường Tân Định, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh"

2.2.*Về quá trình tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn- anh Hoàng Tuấn Đ*:

1. Địa chỉ nơi cư trú của anh Hoàng Tuấn Đ được ghi nhận trong bản án có hiệu lực của Toà án trước thời điểm nguyên đơn viết đơn khởi kiện 19 ngày là địa chỉ "Số 18 Nguyễn Phi Khanh, phường Tân Định, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh". Trong trường hợp Tòa án tiến hành xác minh tại Công an phường Văn Chương, thể hiện anh Hoàng Tuấn Đ không sinh sống tại nơi có đăng ký HKTT thì Tòa án phải ủy thác tống đạt hoặc thu thập chứng cứ để xác định anh Đ hiện có cư trú tại số 18 Nguyễn Phi Khanh, phường Tân Định, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh hay không để tống đạt cho anh Đ tại địa chỉ này hoặc xác định đây là nơi cư trú cuối cùng của anh Đ để niêm yết văn bản tố tụng. Tuy nhiên, Toà sơ thẩm không thực hiện là vi phạm khoản 3 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Tại địa chỉ nơi anh Đ đăng ký HKTT (sô X phường V quận Đống Đa, Hà Nội) có bố mẹ đẻ của anh Đ cư trú. Tuy nhiên, Toà sơ thẩm không thực hiện tống đạt văn bản tố tụng cho anh Đ thông qua bố mẹ anh Đ là vi phạm khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong trường hợp tống đạt văn bản tố tụng cho anh Đ thông qua bố mẹ anh Đ không thành thì cần lập biên bản tống đạt không thành trong đó nêu rõ lý do có xác nhận của đại diện tổ dân phố hoặc Công an xã, phường, thị trấn về việc tống đạt không thành rồi mới tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật.

Tại giai đoạn phúc thẩm, khi tiến hành tống đạt văn bản tố tụng đối với anh Hoàng Tuấn Đ tại địa chỉ sô X phường V quận Đống Đa, Hà Nội (số mới là sô Y phường C quận Đống Đa, Hà Nội) thì ông Hoàng Văn D là bố đẻ của anh Đ đều là người nhận trực tiếp văn bản.

3. Toà cấp sơ thẩm đã niêm yết bảng tin UBND phường Văn Chương và bảng tin tổ 66 phường Văn Chương, quận Đống Đa mà không phải tại nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của anh Hoàng Tuấn Đ là không đảm bảo đúng thủ tục niêm yết theo Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

4. Tòa án cấp sơ thẩm đã gửi Thông báo thụ lý cho anh Đ theo địa chỉ anh Đ có đăng ký HKTT. Tuy nhiên trên cuống Bưu điện không thể hiện anh Đ hoặc bố

mẹ đẻ của anh Đ ký nhận (bút lục 49A, 52) là vi phạm khoản 1 Điều 175, khoản 2 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

5. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, anh Đ giao nộp tài liệu Hợp đồng thuê căn hộ tại Tòa nhà căn hộ dịch vụ LyNa Arpartment, số 18 Nguyễn Phi Khanh, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh trong đó bên thuê là anh Hoàng Tuấn Đ, thời hạn thuê 24 tháng kể từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2020 (trong toàn bộ thời gian cấp sơ thẩm giải quyết vụ án).

Toà án cấp phúc thẩm đã có công văn số 675/CV-TA-DS ngày 05/04/2021 để yêu cầu thu thập chứng cứ đối với Công an phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Công an phường Tân Định đã cung cấp "*Anh Hoàng Tuấn Đ thực tế hiện đang cư trú tại phòng XX, căn hộ LN Apartment, số 18 Nguyễn PK*".

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm về thủ tục tố tụng cấp tống đạt dẫn đến việc không có căn cứ Toà sơ thẩm đã tống đạt hợp lệ toàn bộ văn bản tố tụng cho anh Hoàng Tuấn Đ; nên anh Đ không thể có mặt tại Toà án sơ thẩm, không được cung cấp lời khai, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho mình. Đây là sai sót cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Hoàng Tuấn Đ về việc huỷ bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm để giải quyết lại ở cấp sơ thẩm nên anh Đ không phải chịu án phí phúc thẩm.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp với Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 4; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 1 Điều 175; khoản 1,2,3,5 Điều 177; Điều 179; Điều 271, Điều 272; Điều 273; khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của anh Hoàng Tuấn Đ: hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 31/2020/DSST ngày 12/10/2020của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Anh Hoàng Tuấn Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên, được hoàn lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0006196 ngày 12 /11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày Tòa tuyên án./.

Nơi nhận:
- *VKS NDTP Hà Nội;*
- *TAND quận Hoàng Mai;*
- *Chi cục THA DS quận Hoàng Mai;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hồng